

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 16 tháng 3 năm 2021
"V/v: tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền,

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh và Ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 103/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự số: 03/2020/DSST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, xã Nghĩa Th, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Xóm Đông H, xã Đông H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT: Xóm Bình M, xã Nghĩa L, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: Xóm Đông H, xã Đông H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Q và Bà Bùi Thị Th.

Bà Trịnh Thị Hoài Th, sinh năm 1994.

Trú tại: số nhà 9a, đường Nguyễn Tr, thành phố V, tỉnh nghệ An.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 10/12/2020, số công chứng 6519, quyền số 07/2020 tại Văn phòng công chứng Thái H, thị xã Thái H.

2. Bị đơn:

- Bà Phùng Thị H, sinh năm 1959.

Nơi ĐKKHKT: Khối Chế Biến Lâm Sản 2, phường Quang Ph, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại đội 27, Phân trại số 5 – Trại giam Tân Lập – Cục CSQL Trại giam, CSGD bắt buộc, Trường giáo dưỡng (vắng mặt).

- Anh Hoàng T, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối Tân T, phường Hòa H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Cơ quan kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự, vụ án có nội dung:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019 và bản tự khai ngày 09/9/2019, nguyên đơn bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Do có quen biết với anh Hoàng T nên anh T đã điện thoại cho bà hỏi cho anh T và bà H vay với số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) để làm ăn. Nên ngày 08/5/2018 vợ chồng bà đã cho bà H, anh T vay với số tiền là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), hai bên viết giấy vay nợ hẹn đến ngày 28/5/2018 thì trả nợ gốc và lãi, khi vay các bên đều ký xác nhận. Mục đích anh T và bà H vay là để làm ăn. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận tiền lãi nhưng hai bên thỏa thuận trả lãi bằng miệng là 3%/tháng. Lúc giao tiền vay thì bà giao tiền cho cả bà H và anh T. Khi nhận tiền thì bà H có mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa xanh) và nói “ Để em tin tưởng thì chị chuyển nhượng cho em thửa đất có giá 500.000.000đ, nếu sau này không có trả thì em được nhận đất” còn số tiền còn lại thì thanh toán bằng tiền mặt. Sau khi hết thời hạn vay bà đã nhiều lần đòi nhưng anh T, bà H không trả được. Sau đó bà H, anh T có thỏa thuận với bà trả lãi hai tháng từ ngày 08/5/2018 đến ngày 08/7/2018, lãi suất 3%/tháng với số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi, số tiền này anh T là người trực tiếp trả cho bà hai lần, mỗi lần 30.000.000đ nhưng bà không nhớ thời gian anh T trả. Sau đó bà H đã trả tiếp cho bà số tiền 120.000.000đ tiền nợ lãi, cụ thể bà H đã trả cho bà qua tài khoản của con gái bà hai lần, mỗi lần 50.000.000đ, con trai bà H là anh Ph trả cho bà số tiền 20.000.000đ ngày trả thì bà không nhớ. Do đó vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H, anh T phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền lãi tính từ ngày 08/7/2018 đến lúc anh T, bà H trả nợ xong, lãi suất tính

theo quy định của nhà nước 1,6%/tháng) nhưng được trừ số tiền lãi mà bà H, anh T đã trả cho bà là 180.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà không yêu cầu bà H, anh T phải trả tổng tiền gốc là 1.000.000.000đ mà số tiền lãi anh T, bà H đã trả cho bà là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) chuyển sang tiền nợ gốc. Việc anh T trình bày khoản nợ trên là của riêng bà H là không đúng vì khi bà H và anh T vay tiền của vợ chồng bà thì anh T là người đặt vấn đề vay. Khi giao nhận tiền thì có mặt cả anh T và bà H và anh T là người trực tiếp viết người vay và trực tiếp ký tên người vay, nên khoản nợ trên là của cả anh T và bà H. Do đó anh T trình bày khoản vay trên là của riêng bà H thì bà không đồng ý. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T, bà H phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc còn lại là 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày bà H, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (29/5/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2020) là 26 tháng 02 ngày, cụ thể: Tiền lãi của 26 tháng là $820.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 26 tháng = 176.956.000đ$ (một trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng), tiền lãi của 02 ngày là $6.806.000đ : 30 ngày = 226.866đ \times 02 ngày = 453.732đ$. Tổng cả gốc và lãi là 997.409.732đ (chín trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng). Bà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà H, anh T phải trả cho vợ chồng bà số tiền trên.

Tại bản tự khai đề ngày 07/10/2019, bà Phùng Thị H trình bày:

Vào ngày 08/5/2018, bà và anh T có vay của bà Th, ông Q số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và hẹn đến ngày 28/5/2018 sẽ trả, mục đích vay là để làm ăn. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà và bà Th, anh T và bà thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2000đ/1.000.000đ/ngày chứ không phải lãi suất thỏa thuận như bà Th trình bày. Quá trình vay bà không cầm cố tài sản gì cho bà Th. Lúc nhận tiền thì chỉ một mình bà nhận. Sau khi hết thời hạn vay thì bà chưa trả được tiền nợ gốc cho bà Th. Sau đó anh T đã trả hai lần tiền lãi cho bà Th là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), thời gian anh T trả tiền bà không nhớ. Còn bà cũng trả hai lần tiền lãi cho bà Th, lần thứ nhất trả là 60.000.000đ nhưng bà không nhớ thời gian trả, lần thứ hai bà trả tiền lãi cho bà Th vào ngày 25/12/2018 (AL) số tiền là 60.000.000đ. Tổng cộng hai lần bà trả tiền lãi cho bà Th là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), lúc bà trả tiền thì có bà và bà Th, bà có căn cứ là cuộc ghi âm giữa bà và bà Th. Việc anh T cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà thì bà đồng ý. Còn nợ gốc bà đã chuyển trả cho bà Th hai lần từ tài khoản của bà sang tài khoản bà Th hai lần, mỗi lần 50.000.000đ, thời gian bà không nhớ, còn một lần con trai bà là Nguyễn Văn Ph đã trực tiếp xuống nhà bà Th trả tiếp 20.000.000đ tiền nợ gốc.

Tất cả các chứng cứ bà sẽ cung cấp cho Tòa án. Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà và anh T phải trả cho bà nợ gốc là 1.000.000.000đ và nợ lãi còn lại thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Th số tiền nợ gốc còn lại là 880.000.000đ (tám trăm, tám mươi triệu đồng) và không trả lãi. Còn việc bà Th khai giấy mua bán đất, bà Th bảo bà làm thì bà làm chứ bà không có tài sản gì để cầm chố cho bà Th.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2020, bà Phùng Thị H trình bày: Anh T đã trả cho bà Th số tiền 120.000.000đ, con trai bà là Nguyễn Văn Ph trả cho bà Th số tiền 20.000.000đ hay 30.000.000đ bà không nhớ. Còn bà chuyển khoản trả cho con gái bà Th qua tài khoản Ngân hàng TMCP đầu tư hai lần số tiền 100.000.000đ, sau đó bà đến nhà bà Th trả ba lần tổng số tiền 180.000.000đ những lần trả tiền này bà không nhớ thời gian trả. Tổng cộng gốc và lãi bà đã trả cho bà Th tổng số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Sau đó bà Th đã đến nhà bà thỏa thuận miệng là bà Th chỉ lấy tiền gốc, không lấy tiền lãi nên mỗi lần bà và bà Th trao đổi qua điện thoại bà đều ghi âm cuộc nói chuyện. Cụ thể là mỗi tháng anh T đều trả 60.000.000đ tiền lãi.

Tại bản tự khai đề ngày 16/9/2019, bị đơn anh Hoàng T trình bày:

Anh có quen biết bà Bùi Thị Th và bà Phùng Thị H. Khi đó bà Th có tiền cho vay và nói với anh có ai vay thì cho vay lãi suất cao hơn lãi suất bà gửi Ngân hàng và bà Phùng Thị H đã vay của bà Th nhiều lần. Ngày 08/5/2018 bà H đã vay của bà Th số tiền 1.000.000.000đ mục đích vay để làm ăn là đúng. Còn việc anh ký vào giấy vay tiền thực chất anh chỉ là người làm chứng, chứng kiến việc vay tiền giữa bà H và bà Th và anh ký vào giấy vay tiền là theo yêu cầu của bà Th, anh ký thì bà Th mới cho bà H vay tiền và cũng vì anh tin tưởng bà H vì những lần vay trước bà H đều trả đầy đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà Th. Việc vay mượn tiền bà H và bà Th đã ký đầy đủ, khi giao tiền thì bà Th giao cho bà H quản lý và sử dụng, anh không liên quan đến số tiền trên. Tại thời điểm vay thì anh không biết bà H có thế chấp tài sản gì cho bà Th hay không. Trong quá trình vay tiền, bà H do bận công việc nên có nhờ anh hai lần cầm tiền lên trả cho bà Th, mỗi lần là 60.000.000đ, tổng hai lần là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để trả tiền lãi hai tháng cho bà Th và anh nghe bà H nói có một số lần bà H và con bà H đã đưa tiền mặt và chuyển khoản trả cho bà Th mấy lần nữa nhưng anh không biết cụ thể. Trong thời gian qua bà Th đã nhiều lần gặp bà H để hỏi nợ số tiền trên và bà H đã công nhận số tiền mà bà H đã vay của bà Th, do vậy anh không chịu trách nhiệm khoản vay này.

Sau khi anh T viết bản tự khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T lên làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DSST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463; 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q.

Buộc bị đơn bà Phùng Thị H, anh Hoàng T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q với tổng số tiền là 997.409.732đ (chín trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến hết ngày (31/7/2020) (ngày xét xử sơ thẩm) là 177.409.732đ (một trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng) theo giấy vay tiền ngày 08/5/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phí: Buộc bà Phùng Thị H, anh Hoàng T phải chịu 41.922.291đ (bốn mươi một triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi một đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q số tiền tạm ứng án phí 22.386.000đ (hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000971 ngày 23/8/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái H.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 1671/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 31/ 7 /2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án, hủy bản án sơ thẩm với nội dung:

- Vi phạm trong việc điều tra xác minh chưa đầy đủ: Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền lập ngày 08/5/2018, xác định bên vay tiền là bà Phùng Thị H và ông Hoàng T là có cơ sở. Tuy nhiên ông Tùng và bà H không phải là quan hệ vợ chồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra xác minh làm rõ số tiền 1.000.000.000 đồng đã được các bên chia nhau hoặc sử dụng như thế nào, không xác định đây là nghĩa vụ liên đới theo quy định tại điều 288 Bộ luật dân sự 2015 hay nghĩa vụ riêng rẽ theo quy định tại điều 287 Bộ luật dân sự để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn mà bản án quyết định buộc bị đơn bà H và ông Tùng có nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng với bà Th và Ông Q số tiền 997.409.732 đồng mà không xác định nghĩa vụ của từng người là không đầy đủ gây khó khăn cho công tác thi hành án.

- Vi phạm về giải quyết án phí: Bản án sơ thẩm buộc bà H và anh T phải chịu án phí dân sự 41.922.291 đồng. Nhưng không chia kỹ phần mỗi người có nghĩa vụ bao nhiêu là gây khó khăn cho công tác thi hành án. Căn cứ vào khoản 3, điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Thái H giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà H và anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền 997.409.732 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phùng Thị H đang chấp hành án. Anh Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 08/5/2018 vợ chồng ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị Th cho bà Phùng Thị H và anh Hoàng T vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) mục đích vay để làm ăn (buôn quặng), khi vay hai bên có viết giấy vay tiền mặt có chữ ký của người vay và thỏa thuận ngày trả nhưng không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền. Do đó hợp đồng vay tiền giữa bà Th, ông Q với bà H, anh T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên, ông Tùng và bà H trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản và kể từ thời điểm đó anh T và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ vay khi đến hạn và phải chịu lãi suất theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Theo giấy vay tiền ngày 08/5/2018 thì anh T, bà H đã vay của bà Th, ông Q số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) thời hạn vay đến ngày 28/5/2018, hai bên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Khi hết thời hạn vay trong giấy vay tiền, anh T, bà H đã không trả được nợ gốc và nợ lãi (thỏa thuận miệng) như đã thỏa thuận, mặc dù vợ chồng ông Q, bà Th đã đòi nhiều lần.

Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q. Buộc bà Phùng Thị H, anh Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Q, bà Th số tiền nợ gốc còn lại là 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 29/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (31/7/2020) là 26 tháng 02 ngày, cụ thể Tiền lãi của 26 tháng là $820.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 26 \text{ tháng} = 176.956.000đ$ (một trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng), tiền lãi của 02 ngày là $6.806.000đ : 30 \text{ ngày} = 226.866đ \times 02 \text{ ngày} = 453.732đ$. Tổng cả gốc và lãi là 997.409.732đ (chín trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng). Tuy nhiên tại quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà H và anh T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho nguyên đơn với tổng số tiền là 997.409.732 đồng và phải chịu án phí là 41.922.291 đồng mà không xác định nghĩa vụ của từng người là thiếu sót gây khó khăn cho công tác thi hành án. Vi phạm của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, do đó không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mà chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên. Từ các lập luận và

chứng cứ nêu trên có căn cứ để chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308; điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị số: 1671/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An về cách tuyên.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463; 466; 468 và Điều 357, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q.

Buộc bị đơn bà Phùng Thị H và anh Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Hữu Q tổng số tiền là 997.409.732đ (chín trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến hết ngày (31/7/2020) là 177.409.732đ (một trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng).

Cụ thể: bà Phùng Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Hữu Q số tiền là 498.704.866đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Anh Hoàng T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Hữu Q số tiền là 498.704.866đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bà Phùng Thị H và anh Hoàng T mỗi người phải chịu 20.961.145đ (hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Hữu Q số tiền tạm ứng án phí 22.386.000đ (hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000971 ngày 23/8/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái H.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS thị xã Thái H;
- TAND thị xã Thái H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền